

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Chi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+HSD+HST	7:25	12+5+5	0+0+0		12+2+6	0+0+0	
2		TD3	7:25	22	0		22	0	
3		P4	7:25	22	0		22	0	
4		P5+P4	9:25	20+0	0+0		15+7	0+0	
5		AMD+BK10+P7	9:25	4+5+13	0+0+0		3+0+19	0+0+0	
6		SAVR+PVD8+TD3	9:25	3+4+8	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
7		RC6+RP1	11:25	10+9	0+0		0+4	0+0	
8		AMD+TGTH1	12:25	14+4	0+0		15+4	0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG - 1	TO: P4	CREW: PHÚ - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0414	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	MARZIEV MIKAIL	P4	45	1	7			85	KH-THAC	Russian
2	PODYMOV DMITRY	P4	52	1	6			141	KH-THAC	Russian
3	TRỊNH VIỆT THĂNG	P4	46	1	9			83	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NGOC TRUONG	P4	30	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOANG	P4	36	1	17			86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU SY	P4	47	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG HONG VIET	P4	48-49	2	16			53	KH-THAC	Vietnamese
8	LAM VAN PHUC	P4	37	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
9	LE NGOC THANG	P4	50	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THUONG	P4	28	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI TIEN THANH	P4	39-40	2	11			80	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG KHAC DU	P4	41-42	2	17			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN CU	P4						58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH HAI	P4	53	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG THE ANH	P4	43-44	2	6			71	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM XUAN HAI	P4	29	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN HAI	P4	51	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH NAM	P4	38	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM LE DUONG	P4						75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU THANH	P4				3	60	64	KH-THAC	Vietnamese
21	LE HOANG PHUNG	P4	27	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
22	HA XUAN QUY	P4	700	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	22	1.656	23	146	3	60	22		
TOTAL		22	1.656	23	146	3	60	22		
WEIGHT KG			1.656		146		60			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGUYỄN HỮU PHÚ
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P3 - HSD - HST	CREW: HUNG - MTHAO - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0410	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG MANH CUONG	P3						66	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH SONG HAI	P3	72-73	2	15			61	YTE	Vietnamese
3	CHAU ĐINH TU	P3	65	1	5	2	30	70	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM TUAN KHAI	P3	74-75	2	10			61	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUYỀN	P3	67	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC VINH	P3	68	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NAM HAI	P3	69	1	6			91	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TAM THUY	P3	70-71	2	5			75	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO HUU PHUOC	P3	66	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LUONG	P3	62	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM MINH TUÂN*	P3	61	1	9			64	PSV	Vietnamese
12	VÔ TÂN TAI*	P3	63	1	11			78	TRƯỜNG V	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HSD	06	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN NINH	HSD	09	1	11	1	22	75	CODIEN	Vietnamese
15	PHAM CHI CONG	HSD	03-05	3	15	2	40	69	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN THANH	HSD	07-08	2	11			65	CODIEN	Vietnamese
17	BUI VAN QUOC	HSD	02	1	6			62	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN NINH BINH	HST	39-40	2	11			67	WOGC	Vietnamese
19	NGUYEN LE HONG VU	HST	70	1	6			60	TLJOC	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC THỦ	HST	22	1	3	2	40	73	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN PHANG	HST	37	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ TRUNG HIỆU*	HST	38	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	12	849	14	84	2	30	12		
2	HSD	5	327	8	49	3	62	2		
3	HST	5	346	6	32	2	40	6		
TOTAL		22	1.522	28	165	7	132	20		
WEIGHT KG			1.522		165		132			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD3	CREW: VIỆT - HTRUNG - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0407	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HUY TAM	TD3	80	1	3	6	110	56	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN LÀNH	TD3	78	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VĂN THĂNG	TD3	86	1	2			61	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐĂNG QUANG	TD3	83	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÔNG VĂN THỊNH	TD3	77	1	11			87	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HAI	TD3	66-67	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG HOÀNG HIỆU	TD3	89	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁNH DUY	TD3						80	KH-THAC	Vietnamese
9	VI KHÁC THANH	TD3	84	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN LINH *	TD3	74-75	2	20			63	YTE	Vietnamese
11	LÊ QUANG TIẾN	TD3	79	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THƯỜNG	TD3	71	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ HỮU CHUNG	TD3	81	1	5			51	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN LUẬN	TD3	82	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	TD3	85	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	TD3	76	1	5			127	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐỨC TOÀN	TD3	70	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	TD3	88	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH HAI	TD3	68	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ MINH HIỆU	TD3	69	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG VĂN HAO	TD3	87	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN PHÚC MINH ĐĂNG *	TD3	72-73	2	8			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	22	1.566	24	136	6	110	22		
TOTAL		22	1.566	24	136	6	110	22		
WEIGHT KG			1.566		136		110			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P5 - P4	CREW: VIỆT - HTRUNG - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0408	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	64	1	7	2	40	72	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ CÔNG TIẾN	P5	79	1	10			74	ANTOAN	Vietnamese
3	LƯƠNG MẠNH GIANG	P5	60-61	2	16			66	ANTOAN	Vietnamese
4	BUI QUANG HOAN	P5	85-86	2	11			102	YTE	Vietnamese
5	TÔNG XUÂN SINH *	P5	88	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P5	63	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯƠNG VĂN THANH	P5	76	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	77	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	89	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	96	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC LAI	P5	87	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VIỆT LONG	P5	90	1	13			118	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THỂ HẠNH *	P5	75	1	15			71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUY TÀI	P5	92	1	14			62	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ XUÂN TÂM	P5	91	1	14			66	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ QUANG TRUNG	P5				2	24	52	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN KHIÊM TRI	P5	93-95	3	12			74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P5	84	1	6			68	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN QUÂN	P5	78	1	3			65	PSV	Vietnamese
20	ĐÀO XUÂN THÀNH	P5	62	1	7			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	20	1,469	23	169	4	64	15		
2	P4	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		20	1,469	23	169	4	64	22		
WEIGHT KG			1,469		169		64			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: AMD - BK10 - P7	CREW: HUNG - MTHAO - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0411	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAM VAN AN	AMD	85-86	2	14			66	HLJOC	Vietnamese
2	TRINH BICH NGOC	AMD	83-84	2	13	3	45	65	TLJOC	Vietnamese
3	PHAM TUAN HA	AMD	82	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN TAN TRI	AMD	81	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN THANH HOANG	BK10	70	1	14			68	KH-THAC	Vietnamese
6	LE BA HOA	BK10	60	1	13	1	14	73	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG DINH HOA	BK10	59	1	15			61	KH-THAC	Vietnamese
8	VU ANH TUAN	BK10	67	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN HONG DUONG	BK10	68-69	2	20			71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRI CHUNG	P7	47	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THE DIEN	P7	50	1	5	3	45	70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HOAI THANH	P7	54	1	5	2	14	65	YTE	Vietnamese
13	PHAM NGOC SON	P7	51	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH TRONG	P7						70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN ANH DUC	P7	45	1	8	1	26	92	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI CONG LAN	P7						64	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TIEN HIEP	P7	55	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRINH VAN PHUONG	P7						77	KH-THAC	Vietnamese
19	LAM DANG GIANG	P7	49	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
20	LUU NGUYEN QUOC HUY	P7						101	KH-THAC	Vietnamese
21	DAO TUAN CHU	P7	48	1	5			66	PSV	Vietnamese
22	LE VAN QUYEN	P7	46	1	4			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	4	262	6	42	3	45	3		
2	BK10	5	340	6	67	1	14	0		
3	P7	13	934	9	54	6	85	19		
TOTAL		22	1.536	21	163	10	144	22		
WEIGHT KG			1.536		163		144			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG - 2	TO:SAVR - PVD8 - TD3	CREW: PHÚ - ĐỨC - ĐANG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06	VNHS FLIGHT: TM26/0415		

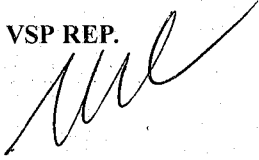
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PARUEHAT MUSIKA	SAVR	58-59	2	21			72	EXPRO	Thailand
2	AKRAM HAMAI	SAVR	61-62	2	25			71	EXPRO	Thailand
3	NGUYEN HOANG DUY	SAVR	60	1	15			118	TDH	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SON	PVD8	45	1	11			76	PVDWS	Vietnamese
5	NGUYEN VAN MANH	PVD8	43	1	14			75	PVDWS	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TIEN	PVD8	44	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN CAO TUAN	PVD8	42	1	17	2	20	66	CODIEN	Vietnamese
8	PHAM MANH HUNG	TD3	63	1	9			93	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐANG NGUYEN	TD3	700	1	5			75	PSV	Vietnamese
10	LE HONG MINH	TD3	62	1	8			71	PSV	Vietnamese
11	DUONG BA HUNG	TD3				1	8	71	PSV	Vietnamese
12	PHAN SY HOAN	TD3	61	1	6			66	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN THI KIM TUYEN*	TD3	98-99	2	14			59	PSV	Vietnamese
14	PHAM QUANG THOM	TD3	800	1	5			67	HA VIET	Vietnamese
15	NGUYEN BINH*	TD3	65	1	6			70	HA VIET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	3	261	5	61	0	0	0		
2	PVD8	4	292	4	48	2	20	4		
3	TD3	8	572	8	53	1	8	18		
TOTAL		15	1.125	17	162	3	28	22		
WEIGHT KG			1.125		162		28			

GRAND TOAL: 1.315 KGS

VSP REP.



NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.



NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW



NGUYỄN HỮU PHÚ
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:RC6 - RP1	CREW: XHOÀN - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/0409	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN DUY TRỌNG	RC6	88-89	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
2	DUƠNG HOANG SON	RC6	86-87	2	15			70	XAYLAP	Vietnamese
3	HỒ ĐÌNH THÔNG	RC6	69-90	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN NHÂN	RC6	70-71	2	16			72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TOÀN	RC6	84-85	2	16			61	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	RC6	77-78	2	14			84	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HÙNG	RC6	79-80	2	16	1	20	62	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TUYẾN	RC6	82-83	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN MINH TỰ	RC6	72-73	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MAI SỸ TAM	RC6	81	1	6			85	PSV	Vietnamese
11	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RP1	17-18	2	13			69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC THỊNH	RP1	15-16	2	12			53	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SANG	RP1	10-11	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI CÔNG THANH*	RP1	08-09	2	15			82	XAYLAP	Vietnamese
15	DUƠNG ĐĂNG CƯỜNG	RP1	12	1	16	4	37	71	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH DŨNG	RP1	13-14	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUẤN	RP1	20	1	12			84	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ CÔNG CHÍNH*	RP1	19	1	12			74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	10	707	19	156	1	20	0		
2	RP1	8	579	13	118	4	37	4		
TOTAL		18	1.286	32	274	5	57	4		
WEIGHT KG			1.286		274		57			

GRAND TOAL: 1.617 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 12:30
B.CARD: CAM	TO: TGTH1 - AMD	CREW: N. Khanh, LINH	ETA: 14:30
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/0396	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN MẠNH CÂN	TGTH1	01	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT ĐỨC*	TGTH1	15-16	2	11			80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG VIỆT*	TGTH1	13	1	13	1	20	68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN HOÀ	TGTH1	14	1	6			74	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	14	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM ANH NGŨ	AMD	12-13	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGŨ BA THANH	AMD	08	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	11	1	14			65	KH-THAC	Vietnamese
9	YA LỘC	AMD	06	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU HỮU CHÍNH	AMD	04	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	15-16	2	20			70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	10	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	07	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	17-18	2	20			84	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THÈ LONG	AMD	02-03	2	10			73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	09	1	6			48	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRÁI	AMD	05	1	14			65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN LAM THẮNG	AMD	19	1	4			83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TGTH1	4	289	5	37	1	20	4		
2	AMD	14	938	18	143	0	0	15		
TOTAL		18	1.227	23	180	1	20	19		
WEIGHT KG			1.227		180		20			

GRAND TOAL: 1.427 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN

TRỊNH VINH LINH